

Số: 93 /BC-UBND

Lai Vung, ngày 24 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO

Thực hiện Nghị quyết số 80/NQ-CP của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020

Thực hiện Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 04/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về tổng kết Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24/6/2014 của Quốc hội về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020; Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020 và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; Ủy ban nhân dân huyện báo cáo tổng kết Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020 trên địa bàn huyện như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Công tác triển khai, quán triệt thực hiện Nghị quyết

Xóa đói giảm nghèo là chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước ta và giảm nghèo bền vững là một trong các nhiệm vụ trọng tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước giai đoạn 2011-2020 được ghi nhận trong Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI. Qua công tác quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết trên địa bàn huyện giai đoạn 2011-2020 đã được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của các cấp ủy đảng, chính quyền, sự tham gia tích cực của Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, doanh nghiệp và sự hưởng ứng mạnh mẽ của đông đảo các tầng lớp nhân dân công tác giảm nghèo đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ, góp phần quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu giảm nghèo, tỷ lệ hộ nghèo giảm dần, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện rõ rệt, thu nhập hộ nghèo hàng năm tăng lên.

2. Hệ thống văn bản chính sách đã ban hành theo từng lĩnh vực

Trong giai đoạn 2011 - 2020, Ủy ban nhân dân huyện ban hành các văn bản chỉ đạo và điều hành triển khai thực hiện một số văn bản trọng tâm như sau:

- Triển khai thực hiện Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 - 2015;

- Thông tư số 21/2012/TT-BLĐTBXH ngày 05/09/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm;

- Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020;

- Thông tư số 17/2016/TTBLĐTBXH ngày 28/06/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020;

- Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND ngày 18/12/2012 của HĐND huyện về Chương trình giảm nghèo giai đoạn 2011 - 2015;

- Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 26/7/2016 của Hội đồng nhân dân huyện về phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo giai đoạn 2016 - 2020.

- Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐND ngày 08/04/2016 của Hội đồng nhân dân huyện phê duyệt Kế hoạch truyền truyền, vận động người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2016 - 2020.

- Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 26/7/2016 của Hội đồng nhân dân huyện về phê chuẩn kế hoạch thực hiện công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm giai đoạn 2016-2020;

- Kế hoạch số 97/KH-HU ngày 15/7/2013 của Ban Thường vụ Huyện ủy về tổ chức thực hiện 06 nhiệm vụ trọng tâm bổ sung để tạo bước đột phá trong nửa nhiệm kỳ còn lại. Để triển khai thực hiện đạt chương trình mục tiêu giảm nghèo, Ủy ban nhân dân huyện xây dựng Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 04/11/ 2013 Kế hoạch thực hiện Chương trình Mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2013 - 2015 và đã triển khai vào ngày 22/11/2013 đến tất cả các Ban, ngành, đoàn thể huyện và 12 xã, thị trấn.

- Bên cạnh đó, hàng năm Ủy ban nhân dân huyện giao các ngành chuyên môn tham mưu xây dựng các kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo, kiểm tra và giám sát, đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm,... Ban hành Quyết định số 100/QĐ-UBND-TL ngày 15/8/2014 về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình quốc gia Giảm nghèo, Giải quyết việc làm và Xuất khẩu lao động; Quyết định số 25/QĐ-UBND-TL ngày 21/3/2019 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện chương trình Giảm nghèo, Đào tạo nghề, Giải quyết việc làm và đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Căn cứ mục tiêu giảm nghèo theo Nghị quyết, UBND huyện đã ban hành kế hoạch giao chỉ tiêu giảm nghèo cho các xã, thị trấn. Ban Chỉ đạo huyện trên cơ sở phân tích thực trạng, nguyên nhân nghèo của hộ nghèo tại các xã, thị trấn và các lĩnh vực có ảnh hưởng đến công tác giảm nghèo, đề ra những giải pháp tích cực nhằm phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và tiềm

năng lợi thế của huyện để thực hiện tốt các Chương trình, kế hoạch hàng năm đề ra. Định kỳ hàng năm chỉ đạo các xã, thị trấn tổ chức điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đảm bảo đúng quy trình, quy định; làm tốt công tác kiểm tra, giám sát công tác giảm nghèo tại các xã, thị trấn và báo cáo đánh giá kết quả định kỳ 6 tháng, hàng năm và cả giai đoạn; hướng dẫn, chỉ đạo, đôn đốc theo dõi Ban chỉ đạo cấp xã hoạt động, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình.

Nhìn chung, kết quả thực hiện kế hoạch giảm nghèo của huyện trong những năm qua đã đạt được kết quả khả quan, nhiều chương trình, chính sách phục vụ cho người nghèo được triển khai đồng bộ, được sự tham gia hưởng ứng, đồng thuận của phần lớn người dân, đặc biệt là hộ nghèo, hộ cận nghèo, từ đó số hộ nghèo vươn lên thoát nghèo hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra.

3. Công tác tuyên truyền, phổ biến cơ chế, chính sách

Các hoạt động truyền thông về giảm nghèo được xây dựng, tổ chức và triển khai thực hiện trên cơ sở lồng ghép về công tác giảm nghèo tại địa phương gắn kết với hoạt động tuyên truyền, vận động đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng, căn cứ vào điều kiện thực tế mà vận động người dân tích cực tham gia các dự án tại địa phương, lắng nghe ý kiến người dân thông qua các cuộc đối thoại định kỳ hàng năm, đối thoại với nhân dân qua sóng phát thanh.

Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật, nâng cao nhận thức của người dân về bảo hiểm y tế, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tham gia và hưởng đầy đủ quyền lợi từ bảo hiểm y tế, đảm bảo lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân.

4. Công tác thông tin, báo cáo, kiểm tra, đánh giá định kỳ

Công tác thông tin, báo cáo, kiểm tra, đánh giá chương trình được Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện định kỳ hàng năm, quý, tháng, đặc biệt là tổ chức sơ kết đánh giá chương trình giảm nghèo giữa giai đoạn. Hàng năm chương trình giảm nghèo đều được Hội đồng nhân dân huyện giám sát, đồng thời cũng được đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo của huyện và được đánh giá là khá tốt, các chương trình được tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả và được công khai, niêm yết, dân chủ trong việc rà soát, đánh giá hàng năm.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo

Từ những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chính sách an sinh xã hội đúng đắn, kịp thời được UBND huyện triển khai thực hiện tốt, người nghèo được tiếp cận đầy đủ, được xã hội, cộng đồng, doanh nghiệp trong và ngoài huyện đồng tình ủng hộ, cùng với sự phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, quốc

phòng an ninh ổn định, đã góp phần thực hiện tốt chương trình giảm nghèo giai đoạn 2011 - 2020, cụ thể:

- Trong giai đoạn từ năm 2011-2015, tỷ lệ hộ nghèo của huyện giảm từ 13,25% năm 2011 xuống còn < 5% năm 2015, trung bình mỗi năm giảm khoảng 1,08%; tỷ lệ hộ cận nghèo giảm từ 8,11% năm 2011 xuống còn 5,48% năm 2015; cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện được cải thiện rõ rệt, đời sống người nghèo được cải thiện, khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản được nâng lên làm tiền đề tốt cho công tác giảm nghèo trong giai đoạn tiếp theo.

- Giai đoạn 2016-2020, trên cơ sở áp dụng chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều cùng với việc thực hiện có hiệu quả các Chương trình, Dự án giảm nghèo bền vững đã góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 7,05% năm 2016 xuống 2,94% cuối năm 2019, trung bình mỗi năm giảm khoảng 1,4%; kế hoạch mục tiêu phấn đấu cuối năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo của huyện giảm còn 2,36% (đạt so với mục tiêu kế hoạch huyện đề ra về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 là $\leq 3\%$ vào năm 2020); tỷ lệ hộ cận nghèo có biến động tăng giảm khác nhau qua từng năm, nếu như năm 2016 tỷ lệ hộ cận nghèo ở mức 6,27% thì đến năm 2018 tăng lên 7,17%, tuy nhiên đến năm 2019 tỷ lệ giảm xuống còn 6,3%, biến động trên có thể thấy do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có việc áp dụng chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều, sự dịch chuyển từ hộ nghèo sang hộ cận nghèo do số hộ nghèo chưa đủ chuẩn thoát nghèo theo quy định.

2. Về thực hiện các chính sách giảm nghèo chung

a) Chương trình tín dụng ưu đãi đối với người nghèo

Trong giai đoạn 2011-2020, các hoạt động hỗ trợ tín dụng cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tiếp tục được các cấp, các ngành đặc biệt quan tâm. Thông qua việc thành lập các tổ vay vốn do các hội, đoàn thể xã, thị trấn phụ trách, người dân được tiếp cận với nhiều nguồn vốn ưu đãi như:

- Chương trình cho vay hộ nghèo theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP: Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện đã triển khai cho hơn 6.142 lượt hộ vay vốn, với tổng doanh số cho vay đạt trên 60,5 tỷ đồng¹.

- Chương trình cho vay hộ cận nghèo theo Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg: đã triển khai cho 1.864 lượt hộ được vay vốn, với tổng doanh số cho vay đạt trên 45,3 tỷ đồng², nhu cầu vay của người dân giai đoạn 2016-2020 tăng thêm khoảng 5,5% so với giai đoạn 2011-2015.

- Chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo: đây là chính sách mới được Chính phủ bổ sung thực hiện nhằm giúp hộ mới thoát nghèo phát triển sản xuất, kinh doanh, từng bước ổn định cuộc sống và hướng đến giảm nghèo bền vững theo Quyết định số 28/2015 của Chính phủ, từ khi quyết định có hiệu lực triển

¹ Giai đoạn 2011-2015 đạt 38,7 tỷ đồng, giai đoạn 2016-2020 đạt 21,8 tỷ đồng.

² Giai đoạn 2011-2015 đạt 19,2 tỷ đồng, giai đoạn 2016-2020 đạt 26,1 tỷ đồng.

khai thực hiện đến cuối năm 2015 số vốn giải ngân đạt 2,2 tỷ đồng, giai đoạn 2016-2020 đạt 82 tỷ đồng, với hơn 4.354 lượt hộ vay cho cả giai đoạn 2011-2020.

- Các chương trình hỗ trợ tín dụng khác như: Hỗ trợ tín dụng cho học sinh, sinh viên, cho vay giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động và cho vay hộ nghèo về nhà ở với tổng số tiền trên 156.278,1 triệu đồng.

b) Chính sách hỗ trợ trong giáo dục, đào tạo

Thực hiện miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho 36.466 học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, với tổng số tiền trên 12.900,49 triệu đồng, trong đó: Giai đoạn 2011-2015, thực hiện miễn học phí là 5.837 em thuộc hộ gia đình nghèo với tổng kinh phí là 1.365 triệu đồng; hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh nghèo là 15.432 em với kinh phí là 8.263 triệu đồng; giảm học phí cho học sinh thuộc hộ cận nghèo là 3.065 em với kinh phí là 356 triệu đồng. Giai đoạn 2016-2020, thực hiện miễn, giảm học phí cho hơn 3.851 học sinh nghèo, cận nghèo với tổng kinh phí trên 899,491 triệu đồng; hỗ trợ chi phí học tập cho hơn 8.281 em học sinh nghèo với kinh phí trên 2.017 triệu đồng.

Bên cạnh đó, huyện còn phối hợp với các nhà tài trợ trao 115 xe đạp cho học sinh nghèo đi học xa nhà không có phương tiện đi lại; trao học bổng Nguyễn Sinh Sắc cho 273 em, số tiền 724,6 triệu đồng; học bổng của Hội Khuyến học huyện trao cho 5.081 em, số tiền 8.600 triệu đồng; Gương sáng hiếu học cho 09 em, số tiền 160,81 triệu đồng; đồng thời phát động phong trào ngày toàn dân đưa trẻ đến trường, tặng 11.000 quyển tập cho học sinh nghèo, khuyết tật trong huyện; tặng 12.000 quyển tập cho học sinh nghèo, 70 suất đồ dùng học tập, trợ cấp khó khăn cho 72 em học sinh nghèo học giỏi mỗi suất 500.000 đồng.

c) Chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo

Vận động hỗ trợ xây dựng mới nhà ở cho hộ nghèo với tổng số 578 căn, sửa chữa 198 căn, với tổng trị giá trên 20.323 triệu đồng³.

Cho vay xây dựng nhà theo Quyết định 167/CP là 1.018 căn, tổng kinh phí là 20.283,2 triệu đồng⁴.

Bố trí 645 hộ nghèo vào các cụm tuyến dân cư trong toàn huyện. Ngoài ra, giai đoạn 2011-2015 còn hỗ trợ 36 căn nhà sập, cháy và 15 chết với tổng số tiền là 306,5 triệu đồng.

Nhìn chung, với chính sách cho vay hỗ trợ cho hộ nghèo xây dựng nhà ở đã giúp cho nhiều hộ nghèo ổn định được cuộc sống, tuy nhiên kinh phí hỗ trợ của nhà Nước và mạnh thường quân có giới hạn và vốn đối ứng của hộ nghèo rất ít thậm chí hộ nghèo không có vốn đối ứng thêm nên một số căn xây dựng chưa đảm bảo sử dụng được lâu dài.

³ Trong đó nguồn vận động là 5.841 triệu đồng, số còn lại gia đình đối ứng; 10 căn do Quỹ Thiện Tâm hỗ trợ, 108 căn của Ủy ban MTTQ huyện vận động...

⁴ Giai đoạn 1 là 17.683,2 triệu đồng, giai đoạn 2 là 2.425 triệu đồng.

d) Chính sách hỗ trợ lao động nghèo đào tạo nghề miễn phí, tạo việc làm, xuất khẩu lao động

Với mục tiêu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thay đổi tập quán sản xuất, nâng cao kiến thức, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trên cây trồng, vật nuôi, tạo cho người dân nông thôn có thêm cái nghề, việc làm, tranh thủ thời gian nhàn rỗi tạo thêm thu nhập, nâng cao đời sống, vươn lên thoát nghèo, cụ thể trong giai đoạn 2011-2020 đã mở 206 lớp dạy nghề nông thôn với trên 5.016 học viên tham gia⁵; giải quyết việc làm trong và ngoài huyện cho 40.825 lượt lao động⁶, đạt 112,42%; giải ngân 13 dự án giải quyết việc làm, với tổng số vốn trên 3.905 triệu đồng⁷; tỷ lệ lao động được đào tạo chiếm 59,5% tổng số lao động; đưa 1.241 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng (xuất khẩu lao động), bình quân đạt 242% so với chỉ tiêu tỉnh giao⁸.

Nhìn chung, các học viên tham gia lớp đào tạo nghề nông thôn được hướng dẫn cụ thể về lý thuyết gắn với thực hành theo từng môn học giúp học viên nắm vững kiến thức áp dụng vào sản xuất, chăn nuôi và ngành nghề... Công tác đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng được các cấp, các ngành quan tâm và xem đây là một trong những giải pháp quan trọng trong thực hiện công tác giảm nghèo tại địa phương, từ đó góp phần đưa tỷ lệ xuất khẩu lao động từ 187,5% cuối năm 2015 lên 308,1% cuối năm 2019.

d) Chính sách hỗ trợ người nghèo hưởng thụ văn hóa, thông tin:

Hỗ trợ và lắp đặt 6.716 hộ thu sóng truyền hình mặt đất cho hộ nghèo, trị giá mỗi hộ 0,72 triệu đồng = 4.835,52 triệu đồng;

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội lắp đặt Pano tuyên truyền Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 nhằm hưởng ứng phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo, không để ai bỏ lại phía sau”.

e) Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo

Thực hiện đúng chính sách hỗ trợ tiền điện của Nhà nước đối với người dân; trong giai đoạn 2011-2020 huyện hỗ trợ tiền điện cho 30.059 hộ nghèo theo quy định, với số tiền trên 41.426 triệu đồng. Trong đó, giai đoạn 2011-2015 đã hỗ trợ tiền điện cho 22.015 hộ nghèo với tổng số tiền 36.627 triệu đồng; giai đoạn 2016-2020 đã hỗ trợ tiền điện cho 8.044 hộ nghèo với tổng số tiền 4.799 triệu đồng, tỷ lệ hộ nghèo được hỗ trợ tiền điện giảm 63,5% so với giai đoạn trước, nguyên do số hộ

⁵ Giai đoạn 2011-2015: 141 lớp dạy nghề nông thôn đạt 160,22% (Phòng NN-PTNT mở 23 lớp, Phòng KT-HT mở 13 lớp; Phụ nữ mở 10 lớp), tổng số học viên là 3.526 người (trong đó người nghèo là 1.037 người, kinh phí hỗ trợ là 613,81 triệu đồng). Giai đoạn 2016 - 2020: 65 lớp dạy nghề nông thôn với trên 1.490 học viên tham gia.

⁶ Giai đoạn 2011-2015: 22.133 lượt lao động, đạt 110,66%. Giai đoạn 2016-2020: 18.692 lao động, đạt 114,56%

⁷ Giai đoạn 2011-2015: 10 dự án giải quyết việc làm, cho 140 người với số vốn là 2.805 triệu đồng. Giai đoạn 2016-2020: 03 dự án giải quyết việc làm, với số vốn trên 1.100 triệu đồng.

⁸ Giai đoạn 2011-2015: 173 lao động. Giai đoạn 2016-2020: 1.068 lao động, trong đó tính đến tháng 3/2020 có 91 lao động.

nghèo giảm qua từng năm và việc chỉ áp dụng chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo về thu nhập,...

g) Dự án, mô hình giảm nghèo trên địa bàn

Toàn huyện hiện có nhiều mô hình giảm nghèo đã phát huy hiệu quả tích cực như: Tổ liên kết sản xuất, cải tạo vườn tạp, chăn nuôi, trồng trọt và hùn vốn xây dựng nhà ở,... đến nay toàn huyện có 08HTX, 61THT và 09 hội quán hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp⁹; đặc biệt là thực hiện có hiệu quả Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững tại một địa phương, trong đó có Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững tại xã Định Hòa giai đoạn 2016-2019, có 15 hộ nghèo tham gia dự án chăn nuôi bò vỗ béo và nuôi dê với tổng nguồn vốn 420 triệu đồng, kết thúc dự án các hộ tham gia đã vươn lên thoát nghèo, mức thu nhập bình quân của hộ tăng thêm từ 01-1,5 triệu đồng/tháng; Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững tại xã Hòa Long giai đoạn 2013-2015, có 23 hộ tham gia dự án chăn nuôi bò, mua bán nhỏ với tổng nguồn vốn vay 420 triệu đồng, sau khi tham gia dự án hầu hết các hộ đều vươn lên thoát nghèo, lợi nhuận bình quân mỗi hộ là 43,5 triệu đồng cho cả giai đoạn.

Giải ngân vốn giải quyết việc làm cho các xã xây dựng nông mới giai đoạn 2, dự án cải tạo vườn và trồng hoa kiểng xã Hoà Thành 500 triệu đồng; dự án giải quyết việc làm 300 triệu đồng; dự án giảm nghèo bền vững 2018-2020 với nguồn vốn 480 triệu đồng ở xã Tân Dương; dự án tạo việc làm cho tổ hợp may 200 triệu đồng, dự án chăn nuôi bò, dê 400 triệu đồng và nguồn quỹ quốc gia giải quyết việc làm năm 2018 với nguồn vốn 500 triệu đồng cho xã Phong Hòa; dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2019-2021 với nguồn vốn 500 triệu đồng cho dự án chăn nuôi bò ở xã Long Thắng; đang triển khai thực hiện dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2020-2022 ở xã Vĩnh Thới với tổng nguồn vốn 620 triệu đồng.

h) Chính sách y tế cho người nghèo

Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân luôn được quan tâm đầu tư, mạng lưới y tế ngày càng được củng cố và phát triển; các dịch vụ y tế, trang thiết bị y tế được đầu tư nhiều hơn. Trong thời gian qua, Ủy ban nhân dân huyện đã lãnh chỉ đạo các ngành chức năng kịp thời điều tra, rà soát, quản lý chặt chẽ các đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, và tranh thủ cấp phát thẻ BHYT để người dân được tiếp cận đầy đủ các chế độ chính sách khám, điều trị bệnh, góp phần giảm nhẹ gánh nặng chi phí khám và điều trị bệnh của gia đình, cụ thể giai đoạn 2011 - 2020 đã cấp thẻ BHYT cho 111.201 lượt hộ nghèo, với tổng số tiền 64.441 triệu đồng;

⁹ 08 HTX: HTX nông nghiệp số 2 Long Thắng, HTX Quýt Hồng Lai Vung, HTX DV nông nghiệp Lai Vung, HTX DV nông nghiệp Hòa Long; HTX Thanh Long Phong Hòa, HTX Nông sản sạch Vĩnh Thới, HTX DV Hoa kiểng Tân Dương, HTX cây có múi xã Tân Phước. 09 Hội quán (Hội quán Thành Tâm xã Vĩnh Thới, Hòa Tâm Hội quán xã Phong Hòa, Hội quán Phước Tâm xã Tân Phước, Tân Thành Hội quán xã Tân Thành, Thanh Tâm Hội quán xã Định Hòa, Thuận Tâm Hội quán xã Tân Hòa, Hội quán Hoa kiểng xã Hòa Thành, Long Hậu Hội quán, Bình Tân Hội quán xã Hòa Long).

cấp thẻ BHYT cho 47.218 lượt hộ cận nghèo, với số tiền 29.987 triệu đồng. Trong đó, giai đoạn 2011-2015, thực hiện cấp thẻ BHYT cho 79.400 lượt người nghèo, với tổng số tiền là 42.766 triệu đồng; cấp thẻ BHYT cận nghèo cho 14.952 lượt người, với số tiền là 8.320 triệu đồng; 158.335 lượt người nghèo được khám điều trị bệnh, với số tiền là 15.433 triệu đồng; 105.557 lượt hộ cận nghèo điều trị bệnh bằng thẻ BHYT, với tổng số tiền là 10.288 triệu đồng. Từ năm 2016 đến năm 2019 thực hiện cấp thẻ BHYT cho hơn 31.801 lượt hộ nghèo, với số tiền 21.665 triệu đồng; cấp thẻ BHYT hộ cận nghèo cho 32.266 lượt người, với số tiền 21.667 triệu đồng.

i) Chính sách hỗ trợ trẻ em nghèo

Giai đoạn 2011-2020 vào mỗi dịp Tết Nguyên đán hàng năm, lãnh đạo các ban, ngành cùng đoàn thể huyện phối kết hợp các xã, thị trấn phát động và tặng quà “Cây mùa xuân” cho trẻ em nghèo với trên 29.347 suất quà, với tổng kinh phí trên 1.505,924 triệu đồng (Trong đó quà của Tỉnh 200 suất, trị giá 30 triệu đồng; quà của Huyện 1.550 suất trị giá 291 triệu đồng). Nhân dịp Tết Trung thu tặng cho hơn 49.103 phần quà bánh và lồng đèn, trị giá trên 942,540 triệu đồng cho trẻ em nghèo và khuyết tật. Ngoài ra, các ngành đoàn thể huyện còn vận động cấp 1.867 suất quà cho học sinh nghèo và 776 suất học bổng (trong đó có 06 suất học bổng các chương trình: Thắp sáng niềm tin, tiếp sức đến trường và Gương sáng hiếu học) với tổng trị giá tiền, quà, học bổng, gạo quy tiền hơn 8.510,7 triệu đồng; tặng 135 xe đạp cho các em học sinh nghèo.

k) Chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo

Nhằm để trợ giúp cho người dân am hiểu về kiến thức pháp luật cũng như tư vấn trợ giúp pháp lý cho người nghèo trong việc giải quyết các hồ sơ, thủ tục, các tranh chấp,...có liên quan đến quyền lợi của người nghèo; công tác trợ giúp pháp lý cho người nghèo ở cấp huyện và xã, thị trấn được thực hiện cụ thể qua các hoạt động như: tổ chức 05 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức trợ giúp pháp lý, có 300 người dự, kinh phí là 15 triệu đồng; 60 buổi sinh hoạt trợ giúp pháp lý cho 3.300 người dự, kinh phí 120 triệu đồng; 87 lượt tư vấn pháp luật cho người nghèo, có 443 lượt người dự, kinh phí 11,1 triệu đồng.

l) Các chính sách hỗ trợ người nghèo khác

Hằng năm, vào các dịp Tết Nguyên đán, địa phương đã tổ chức cấp phát tặng quà cho các đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo, người nghèo với tổng kinh phí cho cả giai đoạn 2011-2020 là 19.107,29 triệu đồng, với hơn 100.000 suất quà và khoảng 246,558 tấn gạo. Trong đó, giai đoạn 2011-2015 là 6.929,29 triệu đồng và khoảng 65,76 tấn gạo; giai đoạn 2016-2020 là 12.178 triệu đồng và khoảng 180,798 tấn gạo.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Đánh giá thực trạng và nguyên nhân nghèo trên địa bàn

Lai Vung nằm ở trong vùng kinh tế trọng điểm phía nam của tỉnh Đồng Tháp, có vị trí hết sức quan trọng, nằm giữa sông Tiền và sông Hậu, nằm kề với khu công nghiệp thành phố Sa Đéc, ngang khu công nghiệp Trà Nóc thuộc thành phố Cần Thơ nên rất thuận lợi cho việc thu hút đầu tư phát triển về kinh tế, xã hội của huyện. Tuy nhiên, đại bộ phận người dân chủ yếu sống bằng nghề nông, riêng đối với hộ nghèo đa số không có ruộng đất để canh tác, nếu có thì rất ít và việc làm đối với lao động ở gia đình hộ nghèo thường thiếu ổn định, chủ yếu là đi làm thuê, gia đình không có lao động chính, chủ yếu người già, trẻ em và người có bệnh lý, không có sức khỏe.

Phân tích nguyên nhân nghèo chủ yếu ở đầu giai đoạn 2011 rơi vào trường hợp thiếu vốn để đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh chiếm 54,37%; thiếu đất ruộng canh tác chiếm 41,25%; tỷ lệ hộ nghèo có đông thành viên, không có việc làm ổn định chiếm trên 16%; các trường hợp có thành viên bệnh tật chiếm 14,04%; các nguyên nhân khác chiếm dưới 10%.

Trên cơ sở đánh giá thực trạng, nguyên nhân nghèo của những năm trước, đến giai đoạn 2016-2020 nhiều chính sách, dự án đã được triển khai thực hiện nhằm tăng cường tính hiệu quả hơn nữa trong công tác giảm nghèo, hướng tới giảm nghèo bền vững, đặc biệt là áp dụng chuẩn nghèo theo tiếp cận đa chiều, xác định rõ những gì mà người dân thiếu, dân cần để hỗ trợ phù hợp với các chính sách địa phương. Đánh giá chung nguyên nhân nghèo ở giai đoạn này có sự dịch chuyển, cụ thể yếu tố không có việc làm giảm xuống mức dưới 10%; các nhu về vốn phát triển sản xuất, kinh doanh giảm khi rất ít hộ nghèo đăng ký tham gia các dự án giảm nghèo được triển khai tại địa phương trong khi độ tuổi bình quân của người lao động từ 15 - 59 tuổi thuộc hộ nghèo chiếm 58,7%; hộ nghèo không có ruộng đất canh tác vẫn chiếm tỷ lệ không nhỏ và mức thu nhập bình quân của người dân dao động ở mức 700.000 đồng trở xuống (ở nông thôn) và 900.000 đồng trở xuống (ở thành thị). Nhìn chung, có nhiều nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan, trong đó phải kể đến là người nghèo không có nguồn thu nhập, công việc ổn định; hộ nghèo đông con và tỷ lệ trẻ em trong hộ nghèo cao (chiếm khoảng 25%); bên cạnh đó phần lớn người nghèo còn có tư tưởng ỷ lại vào chính sách hỗ trợ của nhà nước, không chí thú làm ăn, lười lao động, không muốn thoát nghèo,... đều đó ảnh hưởng không nhỏ đến chính sách giảm nghèo của địa phương, tác động tiêu cực đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

2. Đánh giá kết quả xây dựng đề án, kế hoạch giảm nghèo trên địa bàn và bổ sung cơ chế, chính sách giảm nghèo đặc thù, giải pháp huy động nguồn lực.

Dựa trên các Chương trình, kế hoạch, Dự án của Trung ương, Tỉnh triển khai thực hiện, bố trí nguồn vốn dự án, huyện đã chỉ đạo các ngành có liên quan tham mưu xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện kịp thời sát với thực tế địa phương, nâng cao tính hiệu quả trong thực hiện các mục tiêu kế hoạch, kết quả thực hiện dự án.

Trong xây dựng kế hoạch luôn nhấn mạnh tầm quan trọng của công tác tuyên truyền để người dân tiếp cận được các quy định pháp luật có liên quan về chính sách giảm nghèo đang được triển khai tại địa phương; tránh trường hợp lập kế hoạch mang tính chất chung chung, sau quá trình thực hiện luôn có đánh giá, báo cáo kịp thời theo thời gian quy định.

Bên cạnh nguồn vốn được Trung ương, Tỉnh cấp cho thực hiện các chính sách giảm nghèo, địa phương cũng chủ động, tranh thủ các nguồn vận động từ các mạnh thường quân trong và ngoài huyện, đều đó góp phần không nhỏ trong việc bổ sung nguồn lực cho thực hiện công tác an sinh xã hội, trong đó có công tác giảm nghèo của địa phương trong thời gian qua.

3. Phân công, chỉ đạo, theo dõi thực hiện mục tiêu giảm nghèo trên địa bàn.

Nhằm thực hiện tốt công tác quản lý, triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, dự án giảm nghèo, trong thời gian qua huyện đã thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình quốc gia Giảm nghèo; kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình quốc gia Giảm nghèo khi có thay đổi; thành lập Ban quản lý Dự án xây dựng và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững, có phân công cụ thể nhiệm vụ từng ngành thành viên; thành lập Tổ đối thoại chính sách giảm nghèo; thực hiện kiểm tra và giám sát, đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo kế hoạch hàng năm, có sự tham gia, phối hợp của các ban, ngành, đoàn thể nhân dân và UBND các xã, thị trấn.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi

Giảm nghèo bền vững là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, sự nỗ lực của các ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội từ huyện đến cơ sở. Bên cạnh đó, chương trình giảm nghèo còn khơi dậy và phát huy truyền thống tốt đẹp, được sự tham gia hưởng ứng tích cực của cộng đồng, người dân, đã tạo được sức lan tỏa và mang tính xã hội hóa cao.

Công tác giải quyết việc làm cho lao động đạt hiệu quả tích cực, trong đó đã khuyến khích nhiều lao động đi làm việc ở nước ngoài; đây là một trong những giải pháp hữu hiệu để giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm, tạo cơ hội cho người dân vươn lên từ chính năng lực của mình.

Các chính sách, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đã được các cấp, các ngành quan tâm tổ chức triển khai, tác động trực tiếp đến nhiều lĩnh vực của đời sống người nghèo, giúp hộ nghèo phát triển kinh tế, ổn định đời sống. Tính bền vững trong công tác giảm nghèo đã được cải thiện đáng kể, tỷ lệ giảm hộ nghèo luôn đạt vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra.

Các chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ về y tế, giáo dục, nhà ở, ưu đãi tín dụng, trợ cấp xã hội, đào tạo nghề, giải quyết việc làm... đã tác động đến phát kinh tế - xã hội và giảm nghèo, làm thay đổi nhận thức, giúp người có việc làm, tạo thu nhập ổn định để vươn lên thoát nghèo.

Tất cả hộ nghèo, hộ cận nghèo được quản lý theo sổ sách, các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiếp cận các chương trình, mục tiêu ưu đãi người nghèo, chính sách an sinh xã hội,... tạo điều kiện tốt cho công tác quản lý và triển khai thực hiện các chính sách.

2. Khó khăn, hạn chế

Chương trình giảm nghèo trên địa bàn huyện trong những năm qua nói chung luôn được quan tâm, đẩy mạnh thực hiện, tỷ lệ hộ nghèo giảm theo từng năm, tuy nhiên kết quả giảm nghèo chưa thật sự vững chắc, còn chênh lệch về tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, tiếp cận thị trường, việc làm giữa nhóm dân cư; nguồn lực thực hiện chính sách vẫn còn dàn trải, chưa tập trung hỗ trợ để tác động làm chuyển biến thực sự đời sống người nghèo trong khi việc huy động nguồn lực tại chỗ để giảm nghèo ở địa phương còn khó khăn.

Thiếu sự gắn kết giữa hỗ trợ đời sống, phát triển sản xuất với chuyển giao khoa học công nghệ, tiến bộ kỹ thuật, thu hút đầu tư, việc thực hiện hợp phần hỗ trợ phát triển sản xuất vẫn còn dàn trải, chưa làm theo cách hỗ trợ tập trung theo dự án, mô hình đồng bộ, chưa gắn với xây dựng các mô hình hợp tác liên kết với doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ nhóm nông dân.

Việc cho vay ưu đãi hộ nghèo từ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện ở các xã, thị trấn thực hiện khá tốt nhưng việc sử dụng vốn vay chưa đem lại hiệu quả cao, mức độ tham gia các dự án của người dân thấp.

Hoạt động của Ban Chỉ đạo Giảm nghèo các cấp đôi lúc còn hạn chế trong việc phối hợp thực hiện chương trình cũng như công tác kiểm tra, giám sát ở cơ sở chưa được duy trì thường xuyên.

Một số xã, thị trấn xây dựng kế hoạch giảm nghèo còn chung chung, còn hạn chế trong việc xây dựng mô hình hướng dẫn hộ nghèo làm ăn hiệu quả, việc phân công các đoàn thể hỗ trợ hộ nghèo còn mang tính hình thức chưa có sự kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện, từ đó công tác giảm nghèo chưa thật sự bền vững.

Công tác tham mưu cho cấp ủy và UBND xã, thị trấn của công chức phụ trách công tác giảm nghèo cấp xã đôi lúc chưa kịp thời; công tác phối hợp, kiểm tra giám sát ở cơ sở chưa thật sự đồng bộ, tính kỷ luật, kỷ cương hành chính, trách nhiệm trong thực thi công vụ của một số cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức chưa cao nên phần nào ảnh hưởng đến tính hiệu lực, hiệu quả trong thực hiện chương trình giảm nghèo ở địa phương.

3. Nguyên nhân

Nguồn lực của địa phương còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu thực tế của

người nghèo; các chương trình, dự án đa phần có mức đầu tư thấp, mang tính hỗ trợ là chủ yếu trong khi bản thân hộ nghèo tham gia đối ứng cùng với ngân sách hỗ trợ thấp hoặc không có; một số hộ nghèo vay sử dụng vốn không đúng mục đích, có phương án làm ăn nhưng thực hiện chưa hiệu quả.

Ý thức tự lực, chí vươn lên của một bộ phận hộ nghèo vẫn còn hạn chế, còn tâm lý trông chờ vào cơ chế, chính sách hỗ trợ của Nhà nước không chịu thoát nghèo; vai trò của chính quyền và các hội, đoàn thể ở một số địa phương chưa phát huy, chưa thật sự là chỗ dựa vững chắc cho người nghèo.

Công tác giảm nghèo còn nhiều khó khăn, do hộ nghèo đa số không có ruộng đất, trường hợp có ruộng đất thì cũng có rất ít, không đủ để xem là nguồn thu nhập chính đối với gia đình họ; song với đó việc làm của lao động hộ nghèo thường thiếu ổn định, chủ yếu là đi làm thuê, tính chất mùa vụ, lao động chân tay là chủ yếu và phần lớn hộ nghèo thiếu lao động chính mang lại thu nhập cho gia đình.

Công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp chưa thật sự đi vào chiều sâu trong thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xóa đói giảm nghèo. Một số địa phương công chức phụ trách giảm nghèo thường xuyên thay đổi làm ảnh hưởng đến công tác quản lý cũng như thực hiện các dự án, mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình giảm nghèo.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Do nguồn lực địa phương còn hạn chế, do đó đề nghị các Bộ ngành Trung ương và Tỉnh tiếp tục có cơ chế chính sách, bổ sung nguồn lực cho địa phương thực hiện công tác giảm nghèo trong thời gian tới.

Kịp thời điều chỉnh, bổ sung một số cơ chế chính sách trong việc hỗ trợ phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, đào tạo nghề theo nhu cầu xã hội của lao động nông thôn kết hợp với giải quyết đầu ra cho người dân khi tham gia thụ hưởng các chính sách.

Trên đây là kết quả báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 80/NQ-CP của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020 trên địa bàn huyện./.

Nơi nhận:

- Sở LĐTB & XH;
- TT Huyện ủy, HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT/UBND huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng, NC/VX;
- Thành viên BCD giảm nghèo huyện;
- UBND xã, thị trấn;
- Lưu: VT, LĐTBXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

